TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **285**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Diệu Huệ
2. Bà Lê Thị Tý

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Tiện - thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thu Thương Thương - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 578/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 và giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Cát Văn B**, sinh năm 1990
Địa chỉ: C Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: bà **Nguyễn Lê Tuyết H**, sinh năm 1997
Địa chỉ: C Đ, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Cát Văn B trình bày: ông và bà Nguyễn Lê Tuyết H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ thị xã S, Thành phố Hà Nộitheo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 14/12/2017. Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do cả hai bên không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Nay ông nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H

Thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Cát Ái Tuệ T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018, hiện con đang sống cùng với cha. Ông B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Bị đơn Nguyễn Lê Tuyết H trình bày: bà và ông B kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ thị xã S, Thành phố Hà Nộitheo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 14/12/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do ông Bmê chơi game thâu đêm không phụ vợ chăm con, vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bà đã khuyên nhủ nhưng ông B không thay đổi. Tháng 10/2018 bà đưa con về quê sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay, đến tháng 3/2022 bà đưa con vào thăm chồng và làm thủ tục ly hôn. Bà không còn tình cảm với ông B yêu cầu giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Cát Ái Tuệ T sinh ngày 12/4/2018, hiện đang sống với ông B và ông B yêu cầu được nuôi con, bà đồng ý giao con cho ông B được tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin được vắng mặt do bận công việc và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và được nuôi con.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt do bận công việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về thẩm quyền giải quyết, thủ tục thụ lý vụ án, tuy nhiên việc giao thông báo thụ lý cho đương sự chưa đúng quy định, xác định đúng và triệu tập đủ những người tham gia tố tụng, có tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, việc cấp tống đạt thực hiện đúng quy định, việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát chưa đúng quy định. Vụ án chưa được giải quyết trong thời hạn luật định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định về trình tự xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quy định và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân Đ thị xã S, Thành phố Hà Nội cùng lời khai của ông B bà H thì hôn nhân của vợ chồng có nhiều quan điểm bất đồng, không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, không thể hàn gắn. Cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét tình hình thực tế cả hai vợ chồng không có thiện chí đoàn tụ. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu xin ly hôn của ông B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 01 con chung tên Cát Ái Tuệ T, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018. Ông B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, bà H cũng thống nhất để ông B nuôi con và bà không cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu nuôi con của ông B là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B đối với bà H và giao con chung cho ông B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Kiến nghị khắc phục vi phạm về thời hạn tống đạt cho đương sự và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 196, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung: ông Cát Văn B và bà Nguyễn Lê Tuyết H kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Đ thị xã S, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 14/12/2017, nên hôn nhân của ông B và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do ông B không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi nhau không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nên ông B yêu cầu tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H Xét yêu cầu của ông B là có căn cứ bởi lẽ, hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở

tình yêu thương của cả vợ và chồng, hôn nhân của ông B bà H không hạnh phúc, bà Hcũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã và bà cũng đồng ý ly hôn với ông B Xét thấy cả hai bên đương sự đều mong muốn ly hôn, không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của ông Blà có căn cứ và phù hợp với ý kiến của bị đơn nên chấp nhận.

Về con chung: hai bên đương sự khai có 01 con chung tên Cát Ái Tuệ T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018, hiện con đang sống cùng với cha. Ông B yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Bà H cũng đồng ý giao con chung cho ông B được tiếp tục nuôi dưỡng. Xét yêu cầu của ông B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với ý kiến của bị đơn nên được chấp nhận. Giao cho ông B được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Cát Ái T, ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: hai bên đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: ông Cát Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cát Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Cát Văn B được ly hôn với bà Nguyễn Lê Tuyết H. Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 14/12/2017 do Ủy ban nhân dân xã Đ thị xã S, Thành phố Hà Nộicấp không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao con chung tên Cát Ái Tuệ T sinh ngày 12 tháng 4 năm 2018 cho ông Cát Văn B được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Cát Văn B không yêu cầu bà Nguyễn Lê Tuyết H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: hai bên đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: ông Cát Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0033870 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu Ba